

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 93/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2017 giữa:

Người yêu cầu: Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm: 1986

Và chị Hoàng Thị D, sinh năm: 1987

Đều cư trú tại: Thôn Hợp Thành, Thành Hưng, Thạch Thành, Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đó hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nguyễn Hữu Đ và chị Hoàng Thị D

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con cái: Giao con chung là cháu Nguyễn Kim A, sinh ngày 26/01/2005 cho chị Hoàng Thị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Nguyễn Hữu Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2017 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Từ khi chị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh Đ còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo

quy định tại Điều 357 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, anh Đ và chị D khụng yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh Nguyễn Hữu Đ chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí DSST về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí DSST anh Đức đó nộp là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2013/04159 ngày 08/6/2017. Anh Đ đó nộp đủ tiền lệ phí.

Chị Hoàng Thị D chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí DSST về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí DSST chị D đó nộp là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai thu số: AA/2013/04160 ngày 08/6/2017. Chị D đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã TH;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đào Anh Đức